TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2026
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Đinh Thị Thuận và bà Phạm Thị Hồng
Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2026/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 03 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Tuyết T, sinh năm 2001
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1997
Địa chỉ: Buôn I, xã K, tỉnh Lâm Đồng.
Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, địa chỉ: Xã E, huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk (Nay là xã C, tỉnh Đăk Lăk)

(*Chị T có mặt, anh T1 có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 09/02/2026, đơn khởi kiện bổ sung Tòa án nhận ngày 10/03/2026, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lương Tuyết T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T1 tự nguyện đến với nhau năm 2020, không tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông (Nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2021.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 06 tháng thì đến ngày 04/6/2022 anh T1 bị bắt, điều tra, truy tố và xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và bị tuyên phạt 16 năm tù. Sau đó đi thi hành án tại Trại giam Đ, địa chỉ: Xã E, huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk (Nay thuộc xã C, tỉnh Đăk Lăk), kể từ đó vợ chồng

không còn chung sống với nhau nữa, nay đã được 05 năm. Nay tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, xét thấy không thể tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 01/10/2021. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2026 bị đơn anh Nguyễn Đức T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị T vào năm 2021 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông (Nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng). Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 01/10/2021. Khi ly hôn anh có nguyện vọng muốn được giao cháu N cho bà nội là Nguyễn Thị Kiều T2 hiện nay đang sinh sống tại Buôn I, xã K, tỉnh Lâm Đồng nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Chị T yêu cầu ly hôn với anh T1. Về con chung chị yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 01/10/2021, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lương Tuyết T và bị đơn anh Nguyễn Đức T1 đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Tuyết T được ly hôn với anh Nguyễn Đức T1. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 01/10/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Ngày 09/02/2026 chị Lương Tuyết T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng giải quyết việc ly hôn và nuôi con với anh Nguyễn Đức T1 do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Đức T1 có hộ khẩu thường trú tại xã K, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Bị đơn anh Nguyễn Đức T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh T1.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 37/2021, ngày 22/7/2021 của UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông (Nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng) thì chị Lương Tuyết T và anh Nguyễn Đức T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và tại phiên tòa chị T cho biết vợ chồng chung sống được khoảng 06 tháng thì đến ngày 04/6/2022 anh T1 bị bắt, điều tra, truy tố và xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và bị tuyên phạt 16 năm tù. Sau đó đi thi hành án tại Trại giam Đ, địa chỉ: Xã E, huyện M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk (Nay thuộc xã C, tỉnh Đăk Lăk), kể từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, nay đã được 05 năm, cuộc sống gia đình đang ở tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống, và tại biên bản lấy lời khai anh T1 tại Trại giam Đ (BL61) nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh T1 đồng ý. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh T1 và chị T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Trong quá trình sống chung anh T1 và chị T có 01 con chung là tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 01/10/2021. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, còn anh T1 có nguyện vọng muốn được giao cháu N cho bà nội là Nguyễn Thị Kiều T2 hiện nay đang sinh sống tại Buôn I, xã K, tỉnh Lâm Đồng nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn.

Xét thấy trẻ Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 01/10/2021, hiện nay hơn 4 tuổi, là bé gái, từ khi sinh ra đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc trẻ để tạo điều kiện của sự phát triển của trẻ nên giao trẻ N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Tuyết T được ly hôn với anh Nguyễn Đức T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2021 ngày 22/7/2021 của UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông (Nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 01/10/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 do chị T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Anh T1 có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng do chị Lương Tuyết T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004038 ngày 12/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị T đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND khu vực 9 - Lâm Đồng*;
- *UBND xã Krông Nô, tỉnh Lâm Đồng;*
- *Phòng THADS khu vực 9 - Lâm Đồng*;
- *Lưu VP, hồ sơ .*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh